TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 19 - 11 - 2025.
V/v: Không công nhận quan hệ vợ, chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lường Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Ngọc Phương;

Bà Thào Thị Chứ.

- Thư ký phiên toà: Ông Tòng Văn Cách - Thư ký Toà án khu vực 2 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2025/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐST- HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị L; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Bản L, xã CL, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

Bị đơn: Anh Trần Văn S; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Bản L, xã CL, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2025, Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

Về tình cảm: Chị Lò Thị L và anh Trần Văn S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, từ đó đến nay không đi đăng ký kết hôn. Chị Lò Thị L và anh Trần Văn S chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hoà hợp, bất đồng trong quan điểm sống, hiện nay đã sống ly thân từ năm 2021, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Lò Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Lò Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn S.

Về con chung: Chị Lò Thị L và anh Trần Văn S có 02 con chung:

Cháu Trần Thị Kim H, sinh ngày 02/8/2002, nay cháu đã trưởng thành, không yêu cầu toà án giải quyết.

Cháu Trần Thị N, sinh ngày 12/8/2008. Nay ly hôn chị Lò Thị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị N đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị L không yêu cầu anh Trần Văn S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Cam đoan không có.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Văn S trình bày:

Về tình cảm: Anh Trần Văn S thừa nhận: Anh Trần Văn S và chị Lò Thị L về chung sống với nhau từ năm 2001, không đi đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hoà hợp, bất đồng trong quan điểm sống. Anh Trần Văn S và chị Lò Thị L hiện nay đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Anh Trần Văn S xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với chị Lò Thị L.

Về con chung: Anh Trần Văn S thừa nhận: Anh Trần Văn S và chị Lò Thị L có 02 con chung:

Cháu Trần Thị Kim H, sinh ngày 02/8/2002, nay cháu Trần Thị Kim H đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Cháu Trần Thị N, sinh ngày 12/8/2008. Anh Trần Văn S nhất trí để chị Lò Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị N đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Cam đoan không có.

Biên bản xác minh ngày 27/10/2025/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La về việc đăng ký kết hôn giữa chị Lò Thị L và anh Trần Văn S tại Uỷ ban nhân dân xã CL, tỉnh Sơn La xác định: Qua kiểm tra xác minh tại sổ sách, chị Lò Thị L và anh Trần Văn S không có trong sổ đăng ký kết hôn của xã.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ: Nguyên đơn chị Lò Thị L; bị đơn anh Trần Văn S nhất trí không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, không yêu cầu Toà án triệu tập đương sự khác và người tham gia tố tụng khác.

Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 01/11/2025 của nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày do bận công việc, nên không thể có mặt để tham dự phiên toà, chị Lò Thị L đề nghị xét xử vắng mặt. Ý kiến của chị Lò Thị L về việc giải quyết

vụ án: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về tình cảm: Yêu cầu không công nhận quan hệ giữa chị Lò Thị L và anh Trần Văn S là quan hệ vợ chồng; về con chung: Có 02 con chung: Cháu Trần Thị Kim H, sinh ngày 02/8/2002, nay đã trưởng thành, không yêu cầu toà án giải quyết. Cháu Trần Thị N, sinh ngày 12/8/2008. Nay ly hôn chị Lò Thị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị N đến khi cháu trưởng thành. Không yêu cầu anh Trần Văn S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết. Nợ chung: Cam đoan không có.

Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 14/11/2025 của bị đơn anh Trần Văn S do bận công việc nên không có mặt tại Toà án để đến Toà án giải quyết việc ly hôn, đề nghị xét xử vắng mặt anh Trần Văn S. Ý kiến của anh Trần Văn S: Anh Trần Văn S và chị Lò Thị L không đăng ký kết hôn nên yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung có hai con chung, cháu Trần Thị Kim H, sinh ngày 02/8/2002, nay đã trưởng thành, không yêu cầu toà án giải quyết. Cháu Trần Thị N, sinh ngày 12/8/2008, anh Trần Văn S nhất trí để chị Lò Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị N đến khi cháu trưởng thành, anh Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết. Nợ chung: Cam đoan không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị L, bị đơn anh Trần Văn S đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lò Thị L, anh Trần Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lò Thị

L và anh Trần Văn S là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị N, sinh ngày 12/8/2008 cho chị Lò Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí*:* Chị Lò Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Lò Thị L khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Trần Văn S có địa chỉ tại xã CL, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lò Thị L, bị đơn anh Trần Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lò Thị L, bị đơn anh Trần Văn S.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị L và anh Trần Văn S đều thừa nhận: Chị Lò Thị L và anh Trần Văn S tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, tuy nhiên anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định mà chỉ tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Tại biên bản xác minh ngày 27/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xác định tại sổ đăng ký kết hôn của UBND xã CL, tỉnh Sơn La chị Lò Thị L và anh Trần Văn S không có đăng ký kết hôn tại UBND xã CL, tỉnh Sơn La.

Vì vậy việc chị Lò Thị L và anh Trần Văn S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, không có đăng ký kết hôn là trái với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này"*.

Do đó việc chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa chị Lò Thị L và anh Trần Văn S không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Không công nhận quan hệ giữa chị Lò Thị L và anh Trần Văn S là quan hệ vợ chồng.

Căn cứ vào khoản 1 điều 9; Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT - TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Lò Thị L và anh Trần Văn S đều thừa nhận có 02 con chung:

Cháu Trần Thị Kim H, sinh ngày 02/8/2002, nay cháu đã trưởng thành, không yêu cầu toà án giải quyết.

Cháu Trần Thị N, sinh ngày 12/8/2008. Chị Lò Thị L và anh Trần Văn S đều nhất trí để chị Lò Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị N đến khi cháu trưởng thành.

Xét việc tự nguyện thoả thuận của chị Lò Thị L và anh Trần Văn S là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy cần chấp nhận:

Đối với cháu Trần Thị Kim H, sinh ngày 02/8/2002, nay đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

Giao cháu Trần Thị N, sinh ngày 12/8/2008 cho chị Lò Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị N đến khi cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Lò Thị L không yêu cầu anh Trần Văn S phải cấp dưỡng nuôi con chung, cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn anh Trần Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Cam đoan không có.

[6]. Về án phí: Chị Lò Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Chị Lò Thị L là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sư sơ thẩm cho chị Lò Thị L. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lò Thị L và anh Trần Văn S là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Lò Thị L và anh Trần Văn S có 02 con chung:

Cháu Trần Thị Kim H, sinh ngày 02/8/2002, nay đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

Giao cháu Trần Thị N, sinh ngày 12/8/2008 cho chị Lò Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng: Anh Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung*:* Không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về nợ chung: Cam đoan không có.

6. Về án phí: Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị L.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lò Thị L; bị đơn anh Trần Văn S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 – Sơn La (2 bản);
- UBND xã CL, tỉnh Sơn La,
- Phòng THADS khu vực 2 - Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Thị Hương